

校外實習課程實施目標

Mục đích thực thi khóa học thực tập ngoài trường

一、執行校外實習之依據及目標[Cơ sở và mục tiêu để thực hiện thực tập ngoài trường]

本校遵循教育部策略，執行技職教育實施學生校外實習課程，以達成學生提早體驗職場，建立正確工作態度，增加學校實務教學資源及學生就業機會，以及減少企業職前訓練成本儲值就業人才之目的。

Trường học theo chiến lược của Bộ Giáo dục và thực hiện giáo dục kỹ thuật và dạy nghề để thực hiện các khóa học thực tập ngoài trường, Để đạt được mục tiêu sinh viên trải nghiệm sớm nơi làm việc và thiết lập một thái độ làm việc đúng đắn, Tăng nguồn lực giảng dạy thực tế và cơ hội việc làm cho sinh viên trong trường học, Và mục đích giảm chi phí đào tạo trước khi đi làm cho nhân viên việc làm có giá trị lưu trữ.

另一方面，希望藉由企業所提供的職場環境使得學生能夠在工作中學習，縮短理論和實務間之認知，進而學習專業技能之應用、訓練處世應對之道、培養團隊合作精神和職業倫理，達到產學接軌之教育目標。並運用企業所提供良好場所讓學生提早體驗職場，建立正確工作態度和團隊合作精神，培養專業技術及經營管理能力，落實「學以致用」、「理論與實務結合」之目的，增加學校實務教學資源與學生就業機會。故依據「吳鳳科技大學學生校外實習課程實施要點」、「吳鳳科技大學新南向產學合作國際專班學生校外實習實施要點」辦理學生實習相關業務。

Mặt khác, hy vọng rằng môi trường làm việc do công ty cung cấp sẽ cho phép sinh viên học tập tại nơi làm việc, rút ngắn sự hiểu biết giữa lý thuyết và thực hành, Sau đó học cách áp dụng các kỹ năng chuyên nghiệp, rèn luyện cách đối phó với thế giới, trau dồi tinh thần làm việc nhóm và đạo đức nghề nghiệp và đạt được mục tiêu giáo dục là tích hợp công nghiệp với trường học. Và sử dụng những nơi tốt do công ty cung cấp để cho phép sinh viên trải nghiệm sớm nơi làm việc, thiết lập thái độ làm việc và tinh thần làm việc nhóm đúng đắn, trau dồi kỹ năng chuyên môn và khả năng quản lý và thực hiện mục đích "học để áp dụng" và "kết hợp lý thuyết và thực hành", Tăng nguồn lực giảng dạy thực tế và cơ hội việc làm cho sinh viên trong trường học. Do đó, theo "sinh viên Đại học Khoa học và Công nghệ Wufeng để thực hiện những điểm chính của khóa thực tập ngoài trường", "Đại học Khoa học và Công nghệ Wufeng New South cho sinh viên lớp quốc tế hợp tác học thuật để thực hiện các điểm chính của thực tập ngoài trường"

二、預期成效[Kết quả mong đợi]

(一) 鏈結產業，培養符合產業需求之實務人才，創造就業機會。

Liên kết các ngành công nghiệp, trau dồi tài năng thực tế đáp ứng nhu cầu của ngành và tạo cơ hội việc làm.

(二) 有效提升學生畢業後工作能力及就業機會。

Cải thiện hiệu quả khả năng làm việc và cơ hội việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp.

(三) 具職業試探的機會，拓展未來就業職業發展。

Cơ hội khám phá nghề nghiệp và mở rộng phát triển nghề nghiệp trong tương lai.



(四) 提前適應工作環境及工作內容，縮短職前準備，畢業後順利進入職場就業。

Thích nghi với môi trường làm việc và nội dung làm việc trước, rút ngắn quá trình chuẩn bị trước khi đi làm và thuận lợi vào nơi làm việc sau khi tốt nghiệp.

三、學生校外實習規劃與輔導措施[Các biện pháp tư vấn và lập kế hoạch thực tập của sinh viên]

(一) 合作廠商(機構)辦理實習之評估及篩選[Đánh giá và lựa chọn thực tập được thực hiện bởi các nhà sản xuất hợp tác (tổ chức)] :

為提供學生良好的校外實習場所，系所單位積極開發優質之實習機構，並由系上師長依「工作環境(含住宿安全)」、「工作安全性」、「工作專業性」、「體力負荷」、「培訓計畫」和「合作理念」，以及「整體總評」等指標對實習機構進行評核。

Để cung cấp cho sinh viên một nơi thực tập tốt, khoa tích cực tìm kiếm các tổ chức thực tập chất lượng cao, và các giáo viên của khoa dựa trên "môi trường làm việc (bao gồm chỗ ở an toàn)", "tính làm việc an toàn", "tính chuyên nghiệp trong công việc", "tải trọng vật lý", "Kế hoạch đào tạo" và "khái niệm hợp tác" và đánh giá tổng thể "và các chỉ số khác để đánh giá các tổ chức thực tập.

(二) 合作廠商(機構)實習媒合[Nhà sản xuất hợp tác (tổ chức) thực tập] :

學生依據系所單位所評核通過之實習機構簡介、實習主題內容及可提供實習名額填寫「學生校外實習意見調查表」，系所單位將依據學生意願和實習機構需求，秉持公平、公正及公開之作為，公布實習人員與實習機構媒合名單。

Sinh viên điền vào "Bảng câu hỏi ý kiến thực tập sinh viên" dựa trên đánh giá của tổ chức thực tập được phê duyệt bởi khoa, nội dung của chủ đề thực tập và nơi thực tập có sẵn. Kết quả là một danh sách trung gian của thực tập sinh và thực tập được công bố.

(三) 合作廠商(機構)辦理實習之培訓及輔導機制[Cơ chế đào tạo và huấn luyện của các nhà sản xuất hợp tác (thực tập)] :

1. 視學生學習狀況及需要，指派具有相關專長之工作並指導學生專業學習。

Theo tình hình và nhu cầu học tập của học sinh, phân công công việc có chuyên môn phù hợp và hướng dẫn học tập chuyên nghiệp của học sinh.

2. 給予實習學生所擔任職務之必要訓練。

Cung cấp đào tạo cần thiết cho các vị trí được tổ chức bởi các sinh viên thực tập.

3. 參與學校辦理之學生實習工作相關之會議。

Tham gia vào các cuộc họp liên quan đến thực tập sinh viên do nhà trường xử lý.

4. 協助解決學生校外實習適應問題。

Hỗ trợ giải quyết các vấn đề thích ứng của sinh viên với thực tập ngoài trường.

5. 評核實習學生工作表現。

Đánh giá hiệu suất làm việc của sinh viên thực tập.

6. 指導學生撰寫校外實習報告。

Hướng dẫn sinh viên viết báo cáo thực tập ngoài trường.



7. 協助處理其他與學生校外實習相關之事項。

Hỗ trợ xử lý các vấn đề khác liên quan đến thực tập ngoài trường của sinh viên.

(四) 學校定期輔導至實習機構訪視[Trường thường xuyên phụ đạo đến thăm các cơ sở thực tập] :

實習輔導老師之職責[Nhiệm vụ của giáo viên phụ đạo thực tập] :

1. 學生實習期間，實習輔導老師以每 2 個月至少進行訪視輔導 1 次為原則。

Trong thời gian sinh viên thực tập, giáo viên hướng dẫn thực tập sẽ tiến hành ít nhất 2 tháng một lần đến thăm và tư vấn.

2. 學生實習期間，實習輔導老師應定期前往實習機構訪視實習學生或以電話、通訊軟體保持聯繫，以瞭解實習學生實務工作內容及工作規範等狀況，並給予學生工作指導，解決學生工作或學習之困難。

Trong thời gian sinh viên thực tập, giáo viên hướng dẫn thực tập nên thường xuyên đến cơ sở thực tập hoặc giữ liên lạc thông qua điện thoại, các ứng dụng mạng xã hội để hiểu rõ nội dung công việc thực tế và đặc điểm công việc của sinh viên thực tập, và hướng dẫn để giải quyết những khó khăn trong công việc hoặc học tập của sinh viên.

3. 應與實習機構主管聯繫溝通，瞭解學生校外實習狀況。

Liên hệ với giám sát viên của tổ chức thực tập để tìm hiểu tình trạng thực tập ngoài trường của sinh viên.

4. 於每次訪視結束後，填寫「學生校外實習輔導表」，以作為檢討改進實習制度參考依據。

Vào cuối mỗi chuyến thăm, hãy điền vào "Mẫu hướng dẫn thực tập sinh viên" để xem xét và cải thiện hệ thống thực tập.

5. 指導實習學生撰寫「校外實習週誌」及「校外實習報告」。

Hướng dẫn sinh viên thực tập viết "nhật ký nội dung công việc" và "Báo cáo kinh nghiệm".

6. 實習學生實習成效之評核。

Đánh giá hiệu quả thực tập của sinh viên.

(五) 校外實習緊急事故與輔導聯絡窗口[Cửa sổ tiếp xúc và tư vấn khẩn cấp cho thực tập ngoài trường]

本校參與實習之學生均指派該系教師擔任實習輔導老師，學生於實習期間遇有任何問題，可隨時聯絡系輔導老師協助處理。

Các sinh viên tham gia thực tập của trường chúng tôi đều được phân công các giáo viên của khoa làm gia sư thực tập. Nếu sinh viên có bất kỳ vấn đề nào trong quá trình thực tập, họ có thể liên hệ với các giáo viên chủ nhiệm của các khoa để hỗ trợ xử lý.

1. 系聯絡窗口：系輔導老師或系主任。

Cửa sổ liên hệ của các khoa: giáo viên chủ nhiệm của các khoa hoặc trưởng khoa.



吳鳳學校財團法人吳鳳科技大學

Hiệp hội tài chính trường Ngô Phụng- Trường Đại học Khoa học Kỹ thuật Ngô Phụng

2. 國際暨兩岸事務中心：聯絡電話：05-2267125 ext.21934
Văn phòng sinh viên quốc tế: điện thoại liên lạc: 05-2267125 ext.21934
3. 研究發展處：就業暨校友服務組 聯絡電話：05-2267125 ext.21923
Bộ phận Nghiên cứu và Phát triển: Nhóm Dịch vụ Việc làm và Cựu sinh viên Điện thoại : 05-2267125 ext .21923
4. 軍訓室(校安中心)專線：(05)226-0135
Đường dây đặc biệt cho phòng huấn luyện quân sự (trung tâm an ninh trường học) : (05) 226-0135